TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 286/2017/DS-ST.
Ngày: 06/7/2017
V/v "tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Liên Hương
2. Ông Nguyễn Văn Bình

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền, thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Thanh Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 6 tháng 7 năm 2017, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 359/2016/TLST- DS ngày 11 tháng 10 năm 2016 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2017/QĐXX-ST ngày 19 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Quan Lệ B, sinh năm 1967. Địa chỉ: Số 206/36 đường L, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Cún Chạc Huỳnh L, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số 374/5/24 đường B, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 5/9/2016 và tại các bản tự khai, nguyên đơn – bà Quan Lệ B trình bày:

Bà có cho bà Cún Chạc Huỳnh L mượn số tiền 60.000.000 đồng theo giấy giao kèo mượn tiền ngày 01/5/2016, thời gian vay tiền là 1 tháng, với lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng. Mẫu giấy giao kèo mượn tiền là mẫu đánh máy sẵn, còn việc bà L sử dụng tiền vay như thế nào bà không biết. Vào ngày 01/6/2016, bà L chỉ trả được 20.000.000 đồng nên số tiền còn nợ lại là 40.000.000 đồng. Khi bà L trả tiền vì còn tin tưởng nhau nên chỉ nhận tiền mà không làm giấy tờ giao nhận nên khi nộp đơn khởi kiện bà chỉ yêu cầu bà L trả 40.000.000 đồng và tiền lãi 2.400.000 đồng. Tại bản tự khai ngày 15/02/2017 và tại phiên tòa bà B không yêu cầu bà L trả lãi. Nay bà B yêu cầu bà L trả số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật. Bà chỉ cho bà L vay tiền nên yêu cầu bà L chịu trách nhiệm trả nợ cho bà.

Bị đơn - bà Cún Chạc Huỳnh L mặc dù đã được Tòa án thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: nguyên tắc xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của đương sự tại phiên tòa.

- Về nội dung: căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: căn cứ Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì nguyên đơn – bà Quan Lệ B có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn – bà Cún Chạc Huỳnh L tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình là phù hợp quy định của pháp luật về thẩm quyền.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: trong vụ án Tòa án có thu thập chứng cứ bằng hình thức xác nhận tình trạng cư trú của bị đơn nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: bà Quan Lệ B là nguyên đơn có mặt; Đối với bị đơn, theo xác minh của Công an Phường A, quận T thì bà Cún Chạc Huỳnh L hiện đang thường trú tại số 374/5/24 Âu Cơ, PA, T. Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa cho bị đơn thông qua người nhận là ông Cún Nhị C và bà Hoàng Thị L là cha mẹ ruột ký nhận kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt không lý do. Căn cứ Khoản 5 Điều 178; Khoản 1 Điều 207 ; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[4.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Căn cứ vào Giấy giao kèo mượn tiền ngày 01 tháng 5 năm 2016 có nội dung: bên A (Bên cho vay): Quan Lệ B; bên B (Bên đi vay): Cún Chạc Huỳnh L. Sau khi bàn bạc và thỏa thuận, bên B đồng ý mượn tiền của bên A với số tiền là 60.000.000 (Sáu mươi triệu đồng chẵn), với lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng. Thời gian vay tiền là 1 tháng. Phía dưới dòng chữ bên vay (B) có chữ ký và tên họ Cún Chạc Huỳnh L, đã nhận tiền đủ. Như vậy, căn cứ vào tờ Giấy giao kèo mượn tiền ngày 01 tháng 5 năm 2016 thì giữa nguyên đơn và bị đơn đã xác lập giao dịch dân sự với thỏa thuận nguyên đơn cho bị đơn mượn số tiền 60.000.000 (Sáu mươi triệu đồng chẵn). Theo thừa nhận của nguyên đơn,

1 tháng sau ngày vay bị đơn có trả cho nguyên đơn được 20.000. 000 đồng, vì tin tưởng nhau nên hai bên không lập giấy giao nhận trả tiền. Nguyên đơn khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc còn nợ lại là 40.000.000 đồng. Nhận thấy, theo Giấy giao kèo mượn tiền thì nguyên đơn cho bị đơn mượn số tiền 60.000.000 đồng, nguyên đơn xác nhận bị đơn đã trả được 20.000.000 đồng, do vậy việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ 40.000.000 đồng là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Về tiền lãi: tuy trên Giấy giao kèo mượn tiền có thỏa thuận tiền lãi, tại đơn khởi kiện nguyên đơn có yêu cầu tiền lãi nhưng tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu tiền lãi đối với bị đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.3] Đối với bị đơn: tại phiên tòa bị đơn đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt cho thấy bị đơn đã tự từ chối quyền được trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4.4] Qua phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền 40.000.000 đồng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm là 2.000.000 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn lại án phí tạm nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 5 Điều 178; Khoản 1 Điều 207; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 147, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Pháp lệnh án phí , lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Quan Lệ B: Buộc bà Cún Chạc Huỳnh L trả cho bà Quan Lệ B 40.000.000 (bốn mươi triệu đồng) tiền nợ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Cún Chạc Huỳnh L phải chịu án phí sơ thẩm là 2.000.000 (hai triệu) đồng.

Bà Quan Lệ B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.060.000 (một triệu không trăm sáu mươi ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0011266 ngày 21/9/2016 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận
- *TAND TP.HCM;*
- *VKSND Q.TB;*
- *THADS Q.TB;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Võ Thị Kim Thương